

Bản án số: 63/2022/DS-PT
Ngày 29 tháng 12 năm 2022
*“V/v tranh chấp đòi tài sản là
quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PC**

- Thành phần Hội đồng xét xử Pc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh;

Ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh
Pc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Pc: Bà Lê Thị Huệ- Kiểm sát
viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Pc xét xử
Pc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2022/TLPT- DS ngày 07 tháng 11
năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Pc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Pc thẩm số 105/2022/QĐ-PT ngày 14
tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị L, sinh năm 1962;

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc; (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hà Thị D, sinh năm 1969;

Địa chỉ cư trú: Thôn An L, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1953;

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Nguyễn Khánh H, sinh năm
1983;

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc; (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hà Thị P, sinh năm 1955;

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc.

- Anh Đỗ Quang T, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, anh T: Ông Nguyễn Khánh H, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc; (có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2021 và những lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nội D vụ án được tóm tắt như sau: Bố mẹ chồng bà L là cụ Đỗ Văn N và cụ Lê Thị T, sinh được 04 người con là bà Đỗ Thị K, ông Đỗ Văn Đ, bà Đỗ Thị C và ông Đỗ Văn T. Năm 1982 bà L K hôn với ông Đỗ Văn T, sau khi K hôn bà L về sống chung với gia đình cụ N. Năm 1983 do chồng bà L ở trong quân đội vì vậy cụ N đứng ra xin Nhà nước cấp đất cho bà L và được Hợp tác xã V cấp tiêu chuẩn mỗi hộ là 10 thước đất thổ cư, tuy nhiên vì muốn các con ở gần để tiện chăm sóc nhau nên cụ N xin Hợp tác xã cấp cho bà L thửa đất gần nhà cụ N khoảng gần 06 thước hiện bà đang sử dụng (đất nhà bà bao gồm cả đất mặt đường và đất ao hồ) khi ra ở trên đất gia đình cụ N có làm cho bà L 03 gian nhà tre, vách đất đến năm 1995 do 03 gian nhà tre dột nát bà L đã xây 02 gian nhà cấp IV, đến năm 2008 bà L tiếp tục tháo dỡ 02 gian nhà cấp IV này để xây 03 gian nhà cấp IV mới, quá trình sử dụng đất bà đổ đất, khai khẩn thửa đất trên mới được như bây giờ. Năm 1994 bà L được UBND huyện V (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà (Hà Thị L) diện tích 248 m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất ở thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc.

Diện tích đất hiện đang tranh chấp trước kia do bà L quản lý, đến năm 1985 ông Đỗ Văn Đ mâu thuẫn với hàng xóm nhà bên cạnh chung ngõ đi cũ nên đã đề nghị bà L cho đi nhờ qua đất, do vừa là anh em vừa là hàng xóm hơn nữa ông Đ nói chỉ mượn trong thời gian ngắn nên bà L đồng ý để ông Đ mượn đất mở một lối đi nhỏ để đi ra đường liên thôn, việc này hai bên chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ gì. Năm 2005 Nhà nước làm đường liên thôn có lấy vào đất của gia đình bà L khoảng 35 m² diện tích còn lại của gia đình khoảng 213 m². Đến năm 2007 gia đình bà L và gia đình ông Đ xảy ra mâu thuẫn, bà L đã yêu cầu ông Đ trả lại đất đã mượn cho gia đình nhưng ông Đ không nghe, còn phá cây chuối bà L trồng để mở rộng lối đi qua đất. Đầu tháng 2 năm 2021 bà L làm thủ tục để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết hiện tại hiện trạng thửa đất của gia đình bà không tính phần đất lối đi ông Đ lấn chiếm chỉ còn 163 m² thiếu 85 m² đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó nhà nước lấy vào 35 m² để làm đường liên thôn, còn ông Đ lấn chiếm của bà 50 m², bà đã nhiều lần sang nhà

ông Đ yêu cầu ông Đ trả lại phần đất đã mượn của bà nhưng ông Đ không đồng ý, còn nói rằng đó là phần đất của gia đình ông Đ, bà đã làm đơn lên UBND xã V để hòa giải nhưng ông Đ cũng không nghe. Bà L khẳng định đường ngõ này là do ông Đ mượn, chiếm dụng của bà để mở đường đi xuống đường liên thôn, không phải là đường ngõ đi chung của các hộ gia đình. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả lại cho bà toàn bộ diện tích 50 m² đất đã mượn của gia đình bà.

Nguyên đơn bà Hà Thị L có mặt tại phiên tòa hoàn toàn đồng ý với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền đồng thời bổ sung như sau: Phần đất tranh chấp giữa gia đình bà với gia đình ông Đ trước kia là lối đi chung, đến năm 1983 cụ Như đứng ra xin cấp đất cho bà khoảng 5,5 đến 06 thước đất bao gồm cả diện tích lối đi này, phần đất này giáp với đất của ông Đ và giữa hai bên không có mốc giới phân định rõ ràng, khi ông Đ sang nói cho mượn đất để đi nhờ thì phần đất này là đất trống không có công trình trên đất.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà L về thành phần gia đình là đúng, tuy nhiên về nguồn gốc thửa đất ông trình bày như sau: Do gia đình ông Đ có 02 anh em trai nên muốn anh em ở gần nhau, vì vậy vào năm 1985 bố ông Đ là cụ Đỗ Văn N có xin UBND xã V diện tích 5,5 thước đất liền với đường cái thôn A, xã V và được UBND xã V đồng ý, khi UBND xã xuống đo giao đất trên thực địa bà P vợ ông Đ là người nhận đất, khi nhận đất phần đất đang tranh chấp là lối đi chung. Đến năm 1986 gia đình ông Đ làm 03 gian nhà tre để bà L xuống ở trên thửa đất này từ đó đến nay, hiện thửa đất này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà L, còn ông Đ, bà P được các cụ N, cụ T cho thửa đất phía trên liền kề với đất của bà L có diện tích 295.3 m² thuộc thửa đất số 74 tờ bản đồ số 26; địa chỉ thửa đất thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc. Năm 2020 vợ chồng ông Đ đã làm thủ tục tặng cho toàn bộ thửa đất này cho con trai là anh Đỗ Quang T, sinh năm 1977 để anh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thực tế toàn bộ thửa đất, cùng các tài sản trên đất vẫn do vợ chồng ông Đ quản lý sử dụng.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Khi đi nhận đất phần diện tích đất cấp cho bà L, phần diện tích đất tranh chấp này đã là lối đi chung, trước năm 1982 gia đình ông bà đi theo lối đi đường liên thôn liền kề chung với với các hộ dân, đến năm 1982 do mâu thuẫn với hộ gia đình kế bên nên đã bịt lối đi cũ và đi theo lối đi hiện giờ. Đến khoảng tháng 4 năm 2021 gia đình ông Đ có thực hiện việc đổ đất để cải tạo, nâng cấp diện tích lối đi thì bà L không cho làm và cho rằng lối đi này thuộc đất của bà L, trên thực tế phần đất này không nằm trong diện tích ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không nằm trong diện tích đất nhà bà L mà là lối đi chung của các hộ liền kề. Nay bà L cho rằng ông mượn đất

của bà L để làm lối đi và khởi kiện yêu cầu ông trả lại phần đất này, ông không đồng ý. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị P trình bày: Bà K hôn với ông Đỗ Văn Đ vào năm 1975, cưới xong bà về làm dâu và sống chung với gia đình nhà chồng từ năm 1975 đến khi bố mẹ chồng là cụ Lê Thị T và cụ Đỗ Văn N chết, hiện bà vẫn đang sinh sống cùng ông Đ trên thửa đất số 74, diện tích 295,3 m² tờ bản đồ số 26 ở thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh P. c.

Về nội D vụ án: Bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông Đ (chồng bà), khi cụ N là bố chồng bà đi xin đất cho ông T và bà L bà là người đi nhận đất nên biết rõ nguồn gốc thửa đất này. Diện tích đất đang tranh chấp là lối đi chung có từ trước khi cấp đất cho bà L. Từ năm 1982 gia đình bà và gia đình bà L đã đi lối đi này không thấy bà L phản ứng gì. Nay bà L cho rằng phần đất này là đất của bà L là không có cơ sở, bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Quang T trình bày: Anh là con của ông Đ và bà P. Năm 2020 bố mẹ anh đã làm thủ tục tặng cho toàn bộ thửa đất số 74 tờ bản đồ số 26; địa chỉ thửa đất thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh P. c cho anh nhưng thực tế bố mẹ anh vẫn là người trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất này. Đối với việc tranh chấp đất đai với gia đình bà L anh cũng hoàn toàn đồng ý với ý kiến của bố mẹ anh, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

- Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L về việc yêu cầu ông Đỗ Văn Đ phải trả lại cho bà Hà Thị L 46,8 m² đất ở thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh P. c, (có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo).

- Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 9 năm 2022 bà Hà Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp P. c thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa P. c thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, giữ nguyên nội D đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh P. c phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của những người T hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

- Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ

nguyên bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào K quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn kháng cáo nên được Tòa án xem xét theo trình tự Pc thẩm.

[2] Về nội D kháng cáo: Bà Hà Thị L kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Pc sửa bản án sơ thẩm, đề nghị buộc ông Đỗ Văn Đ trả lại cho bà được quyền sử dụng 46,8m² đất ông Đ mượn làm lối đi, thấy rằng:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình bà Trần Thị L thể hiện diện tích 248m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất ở thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc. Bà L cho rằng thửa đất của gia đình bà không tính phần đất lối đi ông Đ lấn chiếm chỉ còn 163m² thiếu 85m² đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó Nhà nước đã lấy vào 35m² để làm đường liên thôn, còn ông Đ lấn chiếm của bà diện tích là 50m². Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L và người đại diện theo ủy quyền của bà L đều thừa nhận, tại thời điểm được giao đất mặc dù chủ trương được Hợp tác xã cấp 10 thước đất tương đương 240m² nhưng thực tế bà L chỉ được Hợp tác xã giao cho khoảng 6 thước đất tương đương 144m² điều này phù hợp với thực tế sử dụng đất của bà L cũng như lời trình bày của bà L và bà D.

Bà L cho rằng năm 1985 khi mở lối đi ông Đ sang đặt vấn đề mượn đất của gia đình bà, việc này không được ông Đ thừa nhận, bà L không có chứng cứ chứng minh việc ông Đ mượn đất. Hơn nữa, suốt quá trình ông Đ sử dụng lối đi từ năm 1985 bà không phản đối gì.

Tại phiên tòa Pc thẩm, bà L thừa nhận nhiều năm nay chính gia đình bà cũng đang sử dụng diện tích đất tranh chấp làm lối đi từ nhà bà ra đường thôn. Như vậy hiện nay đất đang tranh chấp có hai gia đình đang sử dụng làm lối đi là gia đình ông Đ và gia đình bà L.

UBND xã V khẳng định: Theo hồ sơ quản lý đất đai của địa phương phần diện tích 46,8m² đất hiện các đương sự đang tranh chấp theo bản đồ cấp đất thổ cư của thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc, cũng như bản đồ VN 2000 thể hiện đây là lối đi chung thuộc quyền quản lý của UBND xã, không nằm trong diện tích đất của gia đình bà L, cũng không nằm trong diện tích đất của gia đình ông Đ. Đối với sự chênh lệch về diện tích đo đạc thực tế với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà L là do trong quá trình sử dụng làm đường liên thôn đã lấy vào của gia đình bà L khoảng 40 m² đất, hơn nữa tại thời điểm cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất là do các bên tự đứng ra kê khai, trên cơ sở đó Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không T hành đo đạc kiểm tra hiện trạng như bây giờ.

Tại phiên tòa Pc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quan điểm kháng cáo của mình.

Từ những nhận định trên thấy rằng phần diện tích đất tranh chấp không thuộc quyền quản lý sử dụng của bà L, không thuộc quyền sử hữu, sử dụng của gia đình ông Đ mà là lối đi chung, thuộc quyền quản lý của UBND xã V do đó bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà L.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm nhận định “Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí được UBND xã xác nhận thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần miễn án phí cho bà L” và bản án sơ thẩm đã quyết định miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà L. Việc bản án sơ thẩm nhận định và quyết định miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà L là chưa đúng qui định của pháp luật:

- Thứ nhất: Cho miễn án phí không đúng hướng dẫn của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bởi bà L sinh ngày 17/12/1962, đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19 tháng 9 năm 2022) bà L chưa đủ 60 tuổi (người cao tuổi), chưa đủ điều kiện được miễn án phí điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Thứ hai: Khi khởi kiện bà L có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005314 ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V nhưng bản án sơ thẩm không xử lý đối với khoản tiền này gây thiệt hại cho đương sự.

Để sửa chữa những sai sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần án phí. Buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Do bà L đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000đ nên cần trả lại cho bà L 2.200.000đ.

[4] Về án phí dân sự Pc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị cấp Pc thẩm sửa nên bà Hà Thị L không phải chịu án phí Pc thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Hà Thị L phải chịu 4.400.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản (Bà Hà Thị L đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị L.

2. Sửa bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V về phần án phí sơ thẩm.

3. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 167, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L về việc yêu cầu ông Đỗ Văn Đ phải trả lại cho bà 46,8 m² đất ở thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Pc (có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo).

- Về chi phí tố tụng: Bà Hà Thị L phải chịu 4.400.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản (Bà Hà Thị L đã nộp đủ).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Hà Thị L 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005314 ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

4. Về án phí dân sự Pc thẩm: Bà Hà Thị L không phải nộp.

Bản án Pc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thanh

Trần Văn Thái

Nguyễn Vĩnh Thành

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

